ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88 /2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định việc phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, SXD, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải *(gọi tắt là hoạt động thoát nước)* tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Những nội dung không có trong quy định này thì thực hiện theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường *(sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp xã)* và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương

Lựa chọn hệ thống thoát nước (chung, riêng, nửa riêng) tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, công nghệ xử lý, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường cụ thể của từng khu vực, đảm bảo các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và môi trường:

1. Đối với các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng mới, khu, cụm công nghiệp bắt buộc đầu tư hệ thống thoát nước riêng.

2. Đối với các khu vực đô thị hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của đô thị, ưu tiên lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng.

3. Đối với các khu vực còn lại thì tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

Chương II
ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 3. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu toàn bộ hệ thống đường ống thoát nước trên địa bàn quản lý đối với các hệ thống thoát nước sau:

a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Nhận bàn giao lại (kể cả công trình nhà máy xử lý) từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; khu dân cư nông thôn tập trung và từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý.

2. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì tiếp nhận bàn giao công trình thoát nước tại các khu công nghiệp và Sở Công Thương chủ trì tiếp nhận bàn giao công trình thoát nước tại các cụm công nghiệp từ các chủ đầu tư hoặc khi khu, cụm công nghiệp không còn chủ đầu tư thực hiện công tác quản lý. Sau khi tiếp nhận tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị làm chủ sở hữu công trình thoát nước.

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng chủ sở hữu các công trình thuộc nhà máy xử lý nước thải được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (trừ khoản 1, 2 Điều 3).

4. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; khu, cụm công nghiệp; khu dân cư nông thôn tập trung đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách là chủ sở hữu đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 4. Đầu tư, xây dựng

1. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện theo Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được phê duyệt, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước, định hướng phát triển hệ thống thoát nước đã được phê duyệt.

2. Hệ thống thoát nước các đô thị, khu, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

4. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 5. Xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Đối với khu vực được xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh của các hộ thoát nước phải được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực để chuyển tải về (Trạm) Nhà máy xử lý nước thải tập trung, nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí xây dựng và hiệu quả vận hành hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải, đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định pháp luật; trừ trường hợp được miễn trừ đấu nối tại quy định này.

2. Tại các khu vực chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tập trung, hộ thoát nước phải có các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung và thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 50 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được xác định, xem xét chấp thuận trong quá trình hộ thoát nước tổ chức thực hiện quy trình đầu tư xây dựng công trình.

Chương III
ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 6. Đấu nối hệ thống thoát nước

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo theo khoản 1 Điều 30 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng phải đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đấu nối hệ thống thoát nước.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước sau khi đã có thỏa thuận đấu nối của đơn vị thoát nước.

Điều 7. Thời điểm đấu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối bắt buộc phải thực hiện đấu nối (thời điểm đấu nối được xác định trong văn bản thỏa thuận đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước). Trường hợp hộ thoát nước tự thực hiện đấu nối nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn về kỹ thuật, đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và thỏa thuận với hộ thoát nước để làm cơ sở thực hiện.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì đơn vị thoát nước chủ động lập kế hoạch điều chỉnh đấu nối cho phù hợp với điều kiện đấu nối cụ thể của từng khu vực và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

3. Đối với các hộ thoát nước thải khác *(không phải nước thải sinh hoạt)* thì phải rà soát, điều chỉnh đấu nối đảm bảo phù hợp quy định sau khi nhận được thông báo của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 8. Xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối và theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.

Điều 9. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 120 lít/người/ngày.đêm.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước được quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư liên quan đến công tác đấu nối

Chủ đầu tư hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới đường cống thu gom, chuyển tải từ hộp đấu nối đến cống.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác (trừ hệ thống thoát nước tại khu công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

4. Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

5. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung; và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Điều 12. Trách nhiệm đối với các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải, bao gồm cả hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo phân cấp, phân quyền và quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Chủ trì giám sát chất lượng nước thải xả thải vào nguồn tiếp nhận, kiểm tra và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường của các công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị quản lý công trình thủy lợi phối hợp với đơn vị vận hành hệ thống thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường có nội dung về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận của

các đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp ý kiến về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá.

b) Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải; là đầu mối quản lý tài chính các nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn kinh phí để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc đối tượng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Ưu tiên xét duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến xử lý và thoát nước thải.

4. Sở Y tế Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý thu gom, xử lý nước thải tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

5. Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng

a) Tổ chức quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu.

b) Tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước có đủ năng lực để vận hành, bảo trì hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo đúng quy định.

c) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp thẩm quyền giao để tổ chức thực hiện quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

d) Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên phạm vi được giao quản lý theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các công trình hệ thống thoát nước được tỉnh phân cấp; tổ chức thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

2. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải được giao chủ sở hữu theo quy định.

3. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.